

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 731/BC-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với
dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐIỂN	Giờ: C
	Ngày: 29/8/2025

Kính gửi: Quốc hội

Ngày 16/7/2025, Chính phủ có Tờ trình số 634/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 12/8/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp cho ý kiến về dự án Luật và Văn phòng Quốc hội đã ban hành Thông báo số 2883/TB-VPQH thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật; theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá cao Chính phủ, cơ quan soạn thảo đã chủ động, khẩn trương chuẩn bị hồ sơ dự án Luật, bảo đảm đầy đủ, đúng tiến độ theo quy định; nhất trí với đề nghị của Chính phủ về việc trình Quốc hội thông qua dự án Luật này theo quy trình tại 01 kỳ họp (Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV) và Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Bên cạnh đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật bảo đảm chất lượng, tiến độ để trình Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách lần thứ 8 thảo luận, cho ý kiến và thẩm tra chính thức trước khi trình Quốc hội. Tiếp theo Tờ trình số 634/TTr-CP, Chính phủ xin báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

1. Về phạm vi sửa đổi

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú vào dự thảo Luật (như quy định của Luật hiện hành và có bổ sung nội dung quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú).

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Về các quyền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ bản tán thành quy định của dự thảo Luật; đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ, quy định cụ thể ngay trong Luật một số quyền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc việc hạn chế quyền con người, quyền công dân phải do Luật định (như các quyền được gặp thân nhân, quyền được gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu; chế độ ăn, ở; chế độ khám bệnh, chữa bệnh...); rà soát các quy định về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người chưa thành niên,

phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, về những hành vi bị nghiêm cấm... của dự thảo Luật bảo đảm tính nhân đạo, phù hợp với thực tiễn.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng làm rõ, quy định cụ thể ngay trong Luật một số quyền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc việc hạn chế quyền con người, quyền công dân phải do Luật định (như các quyền được gặp thân nhân, quyền được gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu; chế độ ở; chế độ khám bệnh, chữa bệnh...), rà soát các quy định về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, về những hành vi bị nghiêm cấm... của dự thảo Luật bảo đảm tính nhân đạo, phù hợp với thực tiễn. Về chế độ ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, để bảo đảm tăng cường phân cấp, phân quyền, đảm bảo tính ổn định của Luật, Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc về chế độ ăn còn mức ăn, định lượng ăn được tăng thêm sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết bảo đảm phù hợp theo tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

3. Về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

3.1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ bản tán thành bổ sung chương VII mới quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát để bảo đảm phân định rõ giữa nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã và Trưởng Công an cấp xã (là người có trách nhiệm tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã) trong việc quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ số để quản lý đối với người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; rà soát quy định chặt chẽ về việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để phân định rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền của cơ quan, cá nhân, giảm cấp trung gian, Chính phủ đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chung trong quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và giao Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; rà soát quy định chặt chẽ về việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Bên cạnh đó, Luật quy định mang tính nguyên tắc về ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú; quá trình triển khai thực hiện Chính phủ sẽ nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện và Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ số để quản lý người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3.2. Về quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và xử lý trường hợp người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ (Điều 38 và Điều 41 dự thảo Luật), Ủy ban

Thường vụ Quốc hội đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát để bảo đảm các quy định của dự thảo thống nhất với quy định tại Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để đảm bảo thống nhất với quy định của Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, Chính phủ đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng như sau:

- Bổ sung nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự vào dự thảo Luật (tại Điều quy định quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú).

- Bổ sung thêm 01 Điều về sửa đổi khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, theo hướng bổ sung nghĩa vụ không được vi phạm các nghĩa vụ thuộc trường hợp bị đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn theo quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

3.3. Về việc giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc (Điều 40 của dự thảo), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định này trong dự thảo theo hướng quy định cụ thể đối với từng trường hợp hoặc chỉ quy định nguyên tắc giải quyết các trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, nơi học tập mà làm ảnh hưởng trực tiếp đến lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thì phải xin phép và được sự đồng ý của người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để khắc phục khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Chính phủ đã quy định cụ thể đối với từng trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc vào dự thảo Luật (tại Điều quy định về việc giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc).

4. Về trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các quy định này, bảo đảm sự thống nhất về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và quản lý, thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Nghiên cứu quy định rõ hơn về cơ chế giám sát thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉnh lý nội dung trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú trong dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết.

5. Về các vấn đề khác

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan soạn thảo tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Cơ quan chủ trì thẩm tra và các cơ quan có liên quan tiếp thu tối đa các ý kiến hợp lý hoàn thiện hồ sơ dự án Luật bảo đảm chất

lượng, tiến độ (Có phụ lục tiếp thu, giải trình cụ thể và dự thảo Luật đã được chỉnh lý, hoàn thiện kèm theo Báo cáo này).

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN, trợ lý TTg, TGD công TTĐT;
- Các vụ, cục: NC, QHDP, PL, TH, KSKT;
- Lưu: VT, NC (02).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TƯ LƯU BỘ CÔNG AN



Đại tướng Lương Tam Quang

Phụ lục

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI ĐỐI VỚI DỰ ÁN LUẬT THI HÀNH TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ CẤM ĐI KHỎI NƠI CƯ TRÚ

(Kèm theo Báo cáo số ~~731~~ 618/BC-CP ngày 29/ 8 /2025 của Chính phủ)

I. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về hồ sơ dự án Luật

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Hồ sơ dự án Luật đã được Chính phủ chuẩn bị công phu, nghiêm túc đầy đủ thành phần theo quy định tại khoản 1 Điều 64 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹ và được gửi đúng thời hạn. Các tài liệu của dự án Luật đã được Cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị trên cơ sở tổng kết thực tiễn hơn 06 năm thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; các nội dung cơ bản của dự thảo Luật cũng đã được đánh giá tác động, tiếp thu nhiều ý kiến góp ý của các bộ, ngành hữu quan; bảo đảm tuân thủ các quy trình, thủ tục trong việc soạn thảo. Hồ sơ dự án Luật đủ điều kiện để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

Theo Nghị quyết số 65/2025/UBTVQH15 ngày 15/01/2025 điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 thì dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú sẽ trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025) và trường hợp Luật được Chính phủ chuẩn bị tốt, quá trình thảo luận tại Quốc hội đạt sự đồng thuận cao thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phối hợp với Chính phủ trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10 theo quy trình tại một kỳ họp. Tại Báo cáo số 618/BC-CP ngày 03/7/2025², Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả rà soát, đề xuất danh mục các luật, nghị quyết cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới ngay trong năm 2025 trong đó có dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, tại Tờ trình số 634/TTr-CP về dự án Luật, Chính phủ không đề cập đến nội dung này và trong dự án Luật cũng chưa xác định thời điểm có hiệu lực của Luật. Do đó, đề nghị Chính phủ thể hiện rõ quan điểm về vấn đề này và đề xuất thời điểm có hiệu lực của Luật để sớm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp, tổ chức bộ máy

¹ Dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú đã có trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 trước ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được thông qua. Do đó, việc soạn thảo, trình, xem xét, cho ý kiến và thông qua được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14.

² Báo cáo số 618/BC-CP ngày 03/7/2025 về danh mục và nội dung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới ngay trong năm 2025 nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

của hệ thống chính trị, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Thực hiện Nghị quyết số 65/2025/UBTVQH15 ngày 15/01/2025 điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, dự thảo Luật đã được chuẩn bị công phu, nghiêm túc bảo đảm đủ điều kiện trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại 01 kỳ họp. Do đó, Chính phủ đề xuất thông qua dự án Luật theo quy trình tại 01 kỳ họp và dự án Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2026.

2. Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật: Về các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam hiện hành quy định phạm vi điều chỉnh về “nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành tạm giữ, tạm giam; tổ chức, **nhiệm vụ, quyền hạn** của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; quyền, nghĩa vụ của người bị tạm giữ, tạm giam; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành tạm giữ, tạm giam”.

Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi phạm vi điều chỉnh, theo đó bổ sung nội dung về “quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú”, đồng thời bỏ quy định về “nhiệm vụ, quyền hạn” của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam tại Điều này và tại Chương II của dự thảo Luật.

Về vấn đề này, tán thành với việc xây dựng dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú phải trên cơ sở bảo đảm quán triệt tư duy đổi mới trong công tác lập pháp và các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, theo đó, luật chỉ quy định các vấn đề ổn định, có giá trị lâu dài; không quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Tuy nhiên, đối với phạm vi điều chỉnh của Luật không tiếp tục quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, nhận thấy dự án Luật này là đạo luật chuyên ngành điều chỉnh mối quan hệ đặc thù giữa các cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú với người bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú. Các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú có liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, việc hạn chế quyền con người, quyền công dân của người bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Do đó, các nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này phải được quy định ngay trong Luật để bảo đảm phù hợp với Điều 10 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (Quốc hội ban hành Luật để quy định “việc hạn chế quyền con người, quyền công dân; tội phạm và hình phạt; tổ tụng tư pháp”). Đồng thời với phạm vi điều chỉnh quy định về việc “quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú” thì trong dự án Luật không thể không quy định về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Thực tế trong dự

thảo Luật, mặc dù Điều 1 và Chương II đã bỏ nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam nhưng tại các chương khác vẫn phải quy định nhiều nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan này, dẫn đến sự không thống nhất ngay trong dự thảo Luật. Bên cạnh đó, để bảo đảm thực hiện hoạt động kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú của Viện kiểm sát nhân dân (là một trong những nội dung quan trọng của dự án Luật) thì trong dự thảo Luật phải có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý, cơ quan thi hành các biện pháp này. Ngoài ra, tại dự án Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) (cũng do Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10 sắp tới) vẫn có các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp quân khu. Với những lý do nêu trên, đề nghị giữ lại phạm vi điều chỉnh như quy định của Luật hiện hành về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý vào dự thảo Luật theo hướng bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Về bảo đảm sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

3.1. Về khoản 2 Điều 28 của dự thảo Luật

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Khoản 2 Điều 28 của dự thảo Luật quy định: “Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật” là chưa thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật Thi hành án hình sự: “Phạm nhân theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo”.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Việc sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam đã được quy định cụ thể tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo³. Để bảo đảm tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, đảm bảo tính ổn định trong quy định của Luật, dự thảo Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc về đảm bảo quyền tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, việc thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

³ Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định người bị tạm giữ, người bị tạm giam : “...được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp ...”)

3.2. Về quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của dự thảo Luật

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điểm a khoản 1 Điều 38 của dự thảo Luật quy định người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có quyền: “Được vắng mặt tại nơi cư trú vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; hoặc lý do chính đáng khác và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép”; đồng thời điểm d khoản 2 Điều này quy định: “Khi vắng mặt tại nơi cư trú phải được sự đồng ý của cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan”. Quy định của dự thảo là không thống nhất với khoản 5 Điều 123 BLTTHS quy định: “Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội quản lý họ và phải có giấy cho phép của người đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, theo đó dù có vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì người bị cấm đi khỏi nơi cư trú cũng phải được sự cho phép của chính quyền cấp xã và người đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Thực tế thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thời gian qua nhiều trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, cấp cứu...) mà người đang bị áp dụng biện pháp này phải đi khỏi nơi cư trú, nếu không sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của họ khi tình trạng bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hết thì họ mới thực hiện được việc xin phép. Do đó, Chính phủ thấy rằng cần thiết phải bổ sung quy định vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú được vắng mặt tại nơi cư trú để phù hợp với thực tiễn và sửa đổi khoản 5 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự trong dự thảo Luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

3.3. Về các nội dung khác

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

+ Khoản 2 Điều 32 của dự thảo Luật quy định về “cơ quan chuyên môn về Lao động - Thương binh và Xã hội” là chưa thống nhất với quy định mới về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước.

+ Điểm b khoản 3 Điều 36 của dự thảo Luật sử dụng cụm từ “bản cam kết” của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú là chưa thống nhất với khoản 2 Điều 123 của BLTTHS quy định là bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm “giấy cam đoan”.

+ Các điều 12, điều 39 của dự thảo Luật đang sử dụng cụm từ “cơ sở y tế” tuy nhiên hiện nay các văn bản pháp luật hiện hành đã thay thế cụm từ này bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, một số luật liên quan đến công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú cũng đang dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10⁴, do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật cần tiếp tục rà soát, bám sát các dự án Luật được trình trong thời gian tới để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, về các nội dung này Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý trong dự thảo Luật.

II. VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1.1. Về quyền được gặp thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (khoản 1 Điều 19 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Khoản 1 Điều 22 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam hiện hành quy định cụ thể về quyền được gặp thân nhân, số lần và thời gian được gặp thân nhân của người bị tạm giữ, tạm giam. Khoản 1 Điều 19 của dự thảo Luật sửa đổi quy định này theo hướng không quy định cụ thể mà giao Chính phủ quy định như sau: “Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được gặp thân nhân trong thời gian tạm giữ, tạm giam theo quy định của Chính phủ”.

Quyền gặp thân nhân của người bị tạm giữ, tạm giam và việc hạn chế quyền này là vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân. Bên cạnh đó, theo nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định trong Hiến pháp thì người bị tạm giữ, tạm giam chưa bị coi là có tội. Theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc hạn chế quyền con người, quyền công dân phải được quy định ngay trong Luật. Do đó, đề nghị quy định cụ thể về quyền được gặp thân nhân của người bị tạm giữ, tạm giam trong dự thảo Luật (như quy định của Luật hiện hành).

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể về quyền được gặp thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

1.2. Về các trường hợp không đồng ý cho thăm gặp người bị tạm giữ, người bị tạm giam (khoản 4 Điều 19 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điểm e khoản 4 Điều 22 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam quy định Thủ trưởng cơ sở giam giữ không đồng ý cho thăm gặp trong trường hợp: “Người bị tạm giữ, người bị tạm giam không đồng ý thăm gặp; trường hợp này, người thăm gặp được trực tiếp gặp người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác

⁴ Như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, Luật Thi hành án hình sự...

nhận việc không đồng ý thăm gặp”.

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định này như sau: “Người bị tạm giữ, người bị tạm giam không đồng ý thăm gặp. Trong trường hợp này, **người bị tạm giữ, người bị tạm giam được** trực tiếp gặp người thăm gặp **hoặc ký vào biên bản không đồng ý thăm gặp có chữ ký của người làm chứng** để xác nhận việc không đồng ý thăm gặp”.

Quy định của Luật hiện hành đã được tính toán, cân nhắc để bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm giam được gặp thân nhân, người bào chữa, khắc phục được thực trạng còn có trường hợp cơ sở giam giữ tùy tiện không cho gặp thân nhân, người bào chữa, không thể hiện đúng nguyện vọng của người bị tạm giữ, tạm giam (là đối tượng bị quản lý chặt chẽ, ở vị thế đặc biệt trong mối quan hệ với cơ sở giam giữ). Đây cũng là đề xuất của nhiều luật sư, người bào chữa khi xây dựng Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam. Do đó, đề nghị cân nhắc kỹ hơn về nội dung được sửa đổi, bổ sung của dự thảo (chuyển quyền chủ động yêu cầu được xác nhận việc không đồng ý thăm gặp từ thân nhân, người bào chữa thành quyền của người bị tạm giữ, tạm giam) để bảo đảm tính chặt chẽ trong bảo vệ quyền của người bị tạm giữ, tạm giam.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng người bị tạm giữ, người bị tạm giam không đồng ý thăm gặp thì người thăm gặp được trực tiếp gặp người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác nhận việc không đồng ý thăm gặp.

1.3. Về khái niệm thân nhân (khoản 10 Điều 2 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Khoản 8 Điều 3 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam quy định về khái niệm thân nhân của người bị tạm giữ, bị tạm giam, nhưng trong khái niệm này không bao gồm cô, dì, chú, bác ruột và cháu của họ. Trong một số trường hợp các thân nhân của người bị tạm giữ, tạm giam đã chết, già yếu, bị bệnh nặng hoặc không có điều kiện thăm gặp trong khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam có cô, dì, chú, bác ruột, cháu ruột nhưng những người này cũng không thể thăm gặp do Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam không có quy định. Vì vậy, nhất trí việc mở rộng khái niệm thân nhân của người bị tạm giữ, tạm giam như quy định tại khoản 10 Điều 2 của dự thảo Luật, theo đó “Thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, dì ruột, cô ruột, cháu ruột của họ”. Tuy nhiên, việc sửa đổi như dự thảo Luật lại không bao gồm một đối tượng đã được Luật hiện hành quy định là “cháu ruột của người bị tạm giữ, tạm giam mà người bị tạm giữ, tạm giam là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại”. Do đó, đề nghị bổ sung đối tượng này vào khái niệm thân nhân cho đầy đủ.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung khái niệm thân nhân cho đầy đủ.

1.4. Về chế độ ăn của người bị tạm giữ, tạm giam (khoản 1 Điều 24 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Đoạn 2 khoản 1 Điều 24 của dự thảo Luật quy định: “Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, người bị tạm giữ, người bị tạm giam được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. Ngoài tiêu chuẩn ăn theo quy định, người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng tiền lưu ký để ăn thêm”, nhất trí với việc bổ sung quy định cho phép người bị tạm giữ, tạm giam được sử dụng tiền lưu ký để ăn thêm. Tuy nhiên các ý kiến này cho rằng do người bị tạm giữ, người bị tạm giam là những người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, do đó cần có quy định về giới hạn mức ăn thêm (có thể tham khảo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Thi hành án hình sự là không được quá 03 lần mức định lượng) để bảo đảm sự tương đồng về chế độ ăn uống giữa những người bị tạm giữ, tạm giam. Đồng thời đề nghị cần làm rõ quy định về việc sử dụng tiền lưu ký để ăn thêm là được áp dụng vào bất kỳ thời điểm nào hay chỉ đối với ngày lễ, ngày tết.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý trong dự thảo Luật theo hướng làm rõ quy định về việc sử dụng tiền lưu ký để ăn thêm là được áp dụng vào tất cả các ngày. Ngoài ra, để bảo đảm tăng cường phân cấp, phân quyền, đảm bảo tính ổn định của Luật, Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc về việc được ăn thêm còn mức ăn cụ thể giao Chính phủ quy định chi tiết bảo đảm phù hợp theo tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

1.5. Chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Điều 26 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điều 26 của dự thảo Luật quy định: “Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu khi được cơ quan đang thụ lý vụ án cho phép. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về việc gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu của người bị tạm giữ, người bị tạm giam”. Quy định này chưa giải quyết được trường hợp người bị tạm giam mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, chờ quyết định đưa đi chấp hành án hoặc chờ quyết định đưa đi thi hành án tử hình thì không còn cơ quan đang thụ lý vụ án để giải quyết việc gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu. Đây cũng là bất cập đã được nêu trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam. Do đó đề nghị sửa đổi lại nội dung nêu trên cho phù hợp.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý vào dự thảo Luật giải quyết trường hợp gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu của người bị tạm giam mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, chờ quyết định đưa đi chấp hành án hoặc chờ quyết định đưa đi thi hành án tử hình.

1.6. Về chế độ của người bị tạm giữ, tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Tán thành với việc sửa đổi, bổ sung các quy định để bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người bị tạm giữ, tạm giam là người dưới 18 tuổi theo đó quy định người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng ăn như người bị tạm giữ, người bị tạm giam đã thành niên và được tăng thêm 20% về thịt, cá so với tiêu chuẩn định lượng ăn (Luật hiện hành chỉ quy định được tăng thêm nhưng không quá 20%). Tuy nhiên, để bảo đảm tính linh hoạt, ổn định của Luật, đề nghị không quy định cứng là tăng thêm 20% mà chỉ quy định được tăng thêm ít nhất 20% về thịt, cá so với tiêu chuẩn định lượng ăn.

Đối với phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, dự thảo Luật vẫn giữ quy định của Luật hiện hành quy định mang tính nguyên tắc là được hưởng chế độ ăn uống bảo đảm sức khỏe. Đồng thời, đề nghị cần quy định cụ thể hơn về định lượng ăn uống của những người này (tương tự như quy định về chế độ ăn của người bị tạm giữ, tạm giam là người dưới 18 tuổi).

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng người bị tạm giữ, tạm giam là người dưới 18 tuổi tiêu chuẩn định lượng ăn được tăng thêm theo quy định của Chính phủ để đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

1.7. Về chế độ chăm sóc y tế đối với người bị tạm giữ, tạm giam

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điều 64 và Điều 67 Luật hiện hành quy định trách nhiệm của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc xây dựng hoặc bố trí khu, buồng riêng để khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam. Tuy nhiên, dự thảo Luật đã bỏ quy định về nội dung này.

Đây là vấn đề rất quan trọng, có liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam. Trong trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam bị bệnh nặng hoặc thương tích vượt quá khả năng của y tế cơ sở giam giữ thì phải được đưa đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước nơi gần nhất và đủ điều kiện. Tuy nhiên, việc khám bệnh, chữa bệnh của người bị tạm giữ, tạm giam có những đặc thù nhất định, một mặt cần bảo đảm việc khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe cho người bị tạm giữ, tạm giam nhưng mặt khác cũng cần bảo đảm yêu cầu của

công tác quản lý người bị tạm giữ, tạm giam, tránh tình trạng bỏ trốn trong thời gian khám, chữa bệnh ngoài cơ sở giam giữ, gây khó khăn cho quá trình tiến hành tố tụng của các cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh đó, thực hiện quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, trong thời gian qua, nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cũng đã đưa vào sử dụng có hiệu quả một số khu khám, điều trị bệnh dành riêng cho người bị tạm giữ, tạm giam, tạo thuận lợi cho việc khám, điều trị và quản lý người bị tạm giữ, tạm giam. Do đó, đề nghị giữ quy định của Luật hiện hành đối với nội dung này.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định trách nhiệm của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc xây dựng hoặc bố trí khu, buồng riêng để khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

2.1. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 37 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Dự thảo Luật đã bổ sung Chương VII mới quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 1 Điều 37 dự thảo Luật thì cơ quan thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú là Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, tại các điều, khoản cụ thể của dự thảo Luật (khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 và 5 Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 39; Điều 40, Điều 41...) lại không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú mà chỉ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Công an cấp xã, theo đó Trưởng Công an cấp xã là người trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Cách quy định như vậy là không bảo đảm thống nhất trong dự thảo Luật, không làm rõ được nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã và trách nhiệm của Trưởng công an cấp xã là người tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác này; chưa thật sự thống nhất, đồng bộ với khoản 5 Điều 123 BLTTHS (mới được Quốc hội sửa đổi, bổ sung tại Kỳ họp thứ 9) quy định giao người bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, theo dõi họ. Vì vậy, đề nghị sửa đổi lại các quy định này cho phù hợp.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, thì chính quyền cấp xã nơi bị can, bị cáo cư trú được phân công nhiệm vụ quản lý người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Thực tiễn trong thời gian qua việc thi hành nhiệm vụ quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do Công an cấp xã trực tiếp thực hiện; nhất là hiện nay, việc bố trí Công an xã chính quy đã bảo đảm đủ nguồn nhân lực thi hành

biện pháp này. Do đó, để phân định rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền của cơ quan, cá nhân, giảm cấp trung gian, dự thảo Luật quy định theo hướng Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chung trong quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và giao Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; theo đó, Chính phủ đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

2.2. Về quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 38 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điều 38 của dự thảo Luật quy định về quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên trong các nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú quy định tại khoản 2 Điều 38 chưa quy định về nghĩa vụ “phải làm giấy cam đoan” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 của BLTTHS và nội dung giấy cam đoan phải bao gồm những nội dung gì. Theo quy định của Luật Cư trú thì cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã, tuy nhiên dự thảo Luật cũng như BLTTHS chưa có quy định để định nghĩa cụ thể về cấm đi khỏi nơi cư trú là cấm đi khỏi phạm vi địa bàn nào (đi khỏi phạm vi địa bàn được nêu cụ thể trong Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; đi khỏi địa điểm đang ở hay đi khỏi địa bàn đơn vị hành chính cấp xã) nên cũng chưa làm rõ được nghĩa vụ của người phải chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bên cạnh đó, việc thiết kế quy định về quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nằm ở Chương VII – Thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú là không thống nhất với quy định về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, tạm giam tại Chương I – Quy định chung. Do đó, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa các nội dung này của dự thảo Luật cho phù hợp.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

+ Về phạm vi địa bàn cấm đi khỏi nơi cư trú: Theo quy định tại khoản 5 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo và gia đình bị can, bị cáo cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị quân đội đó để quản lý, theo dõi họ” và theo quy định của Luật Cư trú thì cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã. Theo đó, điểm d khoản 2 Điều 38 dự thảo Luật đã quy định người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú phải “Cư trú trên địa bàn cấp xã theo lệnh cấm cư trú của cơ quan có thẩm quyền”. Do vậy, quy định như dự thảo Luật là phù hợp.

+ Về thiết kế quy định về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú: Để đảm bảo thống nhất, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý trong dự thảo Luật theo

hướng chuyển Điều quy định về quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam vào Chương III dự thảo Luật; đồng thời bổ sung quy định về nghĩa vụ “phải làm giấy cam đoan” của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vào Điều quy định quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú dự thảo Luật cho phù hợp với Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.3. Về việc giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc (Điều 40 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Khoản 1 Điều 40 của dự thảo Luật quy định: “Trường hợp người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vì lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì phải có đơn xin phép gửi người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”; khoản 2 Điều này quy định: “Trường hợp đồng ý thay đổi nơi cư trú, làm việc người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú mới và giao Trưởng Công an cấp xã, đơn vị quân đội nơi cư trú mới của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú quản lý, theo dõi”.

Về vấn đề này, theo khoản 1 thì mọi trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc đều phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, tại khoản 2 lại quy định việc giải quyết các trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc đều dẫn tới hệ quả là giao cho Trưởng Công an cấp xã, đơn vị quân đội nơi cư trú mới quản lý (có nghĩa là nơi cư trú ở cấp xã khác với cấp xã đang cư trú). Như vậy, quy định như dự thảo Luật chưa bao quát đầy đủ các trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, cụ thể là chưa làm rõ được trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc nhưng vẫn trong địa bàn cấp xã của nơi cư trú cũ; trường hợp không thay đổi nơi cư trú nhưng thay đổi nơi làm việc ở địa bàn cấp xã khác; trường hợp thay đổi nơi học tập đối với bị can, bị cáo là học sinh, sinh viên (không phải là thay đổi nơi làm việc) ở địa bàn cấp xã khác... thì giải quyết như thế nào. Do đó đề nghị quy định theo một trong 02 phương án sau đây:

+ Phương án 1, quy định cụ thể về các trường hợp:

(1) Thay đổi nơi cư trú trong trường hợp ra khỏi địa bàn cấm đi khỏi nơi cư trú và trong trường hợp vẫn trong địa bàn cấm đi khỏi nơi cư trú;

(2) Không thay đổi nơi cư trú nhưng thay đổi nơi làm việc, nơi học tập mà làm ảnh hưởng trực tiếp đến lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;

(3) Thay đổi nơi làm việc trong trường hợp được giao cho đơn vị quân đội quản lý, theo dõi.

+ Phương án 2, quy định nguyên tắc giải quyết các trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, nơi học tập mà làm ảnh hưởng trực tiếp đến lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thì phải xin phép và được sự đồng ý của người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Cư trú thì nơi cư trú được xác định là địa bàn cấp xã, khi thay đổi nơi cư trú có nghĩa người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú thay đổi địa bàn cư trú, theo đó, dẫn đến thay đổi cơ quan, đơn vị quản lý đối với họ. Do vậy, quy định như dự thảo Luật là phù hợp.

2.4. Về xử lý trường hợp người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ (Điều 41 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điều 41 của dự thảo Luật quy định việc xử lý người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ theo các hình thức nhắc nhở, tổ chức kiểm điểm, đề nghị người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thay đổi biện pháp ngăn chặn. Về nội dung cụ thể của Điều này, nhận thấy:

+ Tại khoản 2 quy định người bị cấm đi khỏi nơi cư trú nếu có các hành vi: “xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình” và vi phạm từ 02 lần trở lên thì bị đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 123 của BLTTHS quy định về các nghĩa vụ mà bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải thực hiện⁵ lại không quy định về việc không được thực hiện các hành vi này dẫn đến sự thiếu thống nhất giữa dự thảo Luật với BLTTHS.

+ Tại khoản 2 và khoản 3 quy định người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm các nghĩa vụ nhiều lần (thậm chí đến lần thứ 4) thì Trưởng công an cấp xã mới đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của BLTTHS thì người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm cam kết thì bị thay đổi biện pháp ngăn chặn từ cấm đi khỏi nơi cư trú sang biện pháp tạm giam ngay từ lần vi phạm đầu tiên. Như vậy, giữa khoản 2, khoản 3 Điều 41 của dự thảo Luật với khoản 2 Điều 123 của BLTTHS chưa bảo đảm tính thống nhất.

+ Tại khoản 1 quy định “người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhưng không phải là tội phạm mà hành vi này đã bị khởi tố, điều tra ...”. Việc quy định như vậy là không phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự vì theo quy định của Bộ

⁵ Bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

- a) Không đi khỏi nơi cư trú nếu không được cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho phép;
- b) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;
- c) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;
- d) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

luật Hình sự thì hành vi vi phạm pháp luật mà không phải là tội phạm thì không thể bị khởi tố, điều tra.

Do đó, đề nghị cần chỉnh lý lại các quy định về vấn đề này trong dự thảo Luật (hoặc đề xuất sửa đổi các quy định tương ứng của BLTTHS) để bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng các nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và thẩm quyền của người tiến hành tố tụng thay đổi biện pháp ngăn chặn này khi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ là những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của BLTTHS và cũng đã được BLTTHS quy định tại Điều 123. Vì vậy, đề nghị cần nhắc việc quy định nội dung này tại Điều 41 của dự thảo Luật; trường hợp cần thiết thì nên dẫn quy định của BLTTHS để tránh trùng lặp.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Thực tế thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thời gian qua nhiều trường hợp vi phạm nhưng không thuộc nghĩa vụ mà họ đã cam đoan theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó, để đảm bảo hiệu quả thi hành biện pháp này trên thực tiễn, Chính phủ thấy rằng cần thiết phải bổ sung các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 41 dự thảo Luật và đã sửa đổi khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự trong dự thảo Luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, tiếp thu một phần ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý khoản 3 Điều 41 dự thảo Luật theo hướng vi phạm lần thứ ba thì Trưởng Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và đề nghị người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thay đổi biện pháp ngăn chặn.

2.5. Về vai trò của cơ quan quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong việc thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Phạm vi điều chỉnh của Luật này quy định về mối quan hệ giữa các cơ quan có liên quan trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bao gồm: cơ quan quản lý, cơ quan thi hành, cơ quan có thẩm quyền ra lệnh và người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, trong tất cả các quy định của dự thảo Luật về biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, không có bất kỳ quy định nào về vai trò của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong khi đó, để thi hành hiệu quả biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì cơ quan quản lý đóng vai trò rất quan trọng. Theo đó, cơ quan này có trách nhiệm chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật, thanh tra, kiểm tra đối với cơ quan thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo... Do đó, đề nghị bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý trong dự thảo Luật các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong dự thảo Luật.

3. Về trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân (Điều 47 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Điều 47 của dự thảo Luật kế thừa Điều 43 của Luật hiện hành quy định về trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam (tại khoản 1 của dự thảo Luật); đồng thời bổ sung khoản 2 quy định nội dung này trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Khoản 2 Điều 47 của dự thảo Luật chỉ quy định chung: “Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Công an cấp tỉnh, cấp quân khu và tương đương có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú” là không thống nhất với cách quy định tại khoản 1 quy định cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện các yêu cầu kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân. Đồng thời khoản 2 cũng chưa quy định về trách nhiệm của cơ quan thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú) trong việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân. Do đó, đề nghị chỉnh lý lại quy định này cho phù hợp.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện các yêu cầu kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

4. Về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 60 và 67 của dự thảo Luật)

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam hiện hành quy định việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân; đồng thời, quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành tạm giữ, tạm giam.

Dự thảo Luật kế thừa các quy định nêu trên của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; đồng thời bổ sung quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố

cáo trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, đối với biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, dự thảo Luật chỉ bổ sung quy định có tính nguyên tắc (tại các điều 60 và 67) theo hướng: việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định, hành vi trong quá trình theo dõi, quản lý người bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân. Mặc dù tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú là các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự có tính chất, mức độ khác nhau nhưng đều là các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân. Do đó, việc quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và trong quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú phải có tính tương đồng và đều cần giao Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan có thẩm quyền giải quyết⁶. Đồng thời cũng cần quy định cụ thể trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tương tự như quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định cụ thể trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Về một số nội dung khác

5.1. Về phân loại và quản lý giam giữ

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Về phân loại và quản lý giam giữ: khoản 4 Điều 14 dự thảo Luật kế thừa Luật hiện hành quy định người đồng tính, người chuyển giới có thể bố trí giam giữ ở buồng riêng. Về vấn đề này, hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp luật xác định cụ thể thế nào là người đồng tính, người chuyển giới; do đó, đề nghị cân nhắc nội dung quy định này để bảo đảm tính thống nhất và tính khả thi trong thực hiện.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Việc quy định bố trí giam giữ người đồng tính, người chuyển giới ở buồng riêng là kế thừa quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam hiện hành, qua tổng kết thực tiễn không phát sinh vướng mắc, bất cập. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

5.2. Về quy định liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra:

Về quy định liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước: khoản 3

⁶ Luật Tổ chức VKSND quy định VKSND giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tạm giữ, tạm giam (điểm d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 29); giải quyết khiếu nại, tố cáo khác theo quy định của pháp luật (điểm e khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 29)

Điều 42 dự thảo Luật quy định về kinh phí cho hoạt động thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú do Nhà nước bảo đảm. Bên cạnh quy định chung này thì tại một số điều luật cụ thể của dự thảo Luật lại quy định về nhà nước bảo đảm kinh phí cho một số hoạt động liên quan đến tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (như khoản 5 Điều 23 quy định về kinh phí liên quan tới việc mai táng người tạm giữ, tạm giam, con của người bị tạm giữ, tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết, khoản 3 Điều 27 quy định về nguồn kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam); trong khi đó, một số điều luật khác lại không quy định cụ thể về nguồn kinh phí (như việc nuôi dưỡng trẻ em dưới 36 tháng tuổi tại khoản 2 Điều 32 của dự thảo Luật...). Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định tập trung vấn đề này tại Điều 42 của dự thảo Luật.

- Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật quy định mang tính nguyên tắc chung về kinh phí cho hoạt động thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Bên cạnh đó, đối tượng đặc thù (con của người bị tạm giữ, tạm giam) và trong một số trường hợp đặc biệt (chết, khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh) để đảm bảo quyền lợi của người bị tạm giữ, tạm giam và con của họ, dự thảo Luật đã quy định trực tiếp nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc giao cơ sở giam giữ tổ chức việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật./